

KẾ HOẠCH

Tăng cường năng lực thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2016

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Kế hoạch Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Ban hành Kế hoạch chung và Khung kế hoạch truyền thông Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra” vay vốn Ngân hàng Thế giới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Kế hoạch số 530/KH-YTDP ngày 22/12/2016 của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang về Kế hoạch nâng cao năng lực Hợp phần vệ sinh, Chương trình mở rộng vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2016,

Thực hiện Văn bản số 29/TCTL-BĐP ngày 07/12/2016 của Ban điều phối Chương trình cấp nước nông thôn,

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch tăng cường năng lực, thực hiện Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra năm 2016, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. ĐIỀU KIỆN HIỆN TRẠNG VÀ CÁC MỤC TIÊU VỆ SINH VÀ CẤP NƯỚC CỦA TỈNH:

Tuyên Quang là một tỉnh thuộc khu vực Đông Bắc bộ bao gồm 141 xã, phường, thị trấn (129 xã nông thôn) với tổng số 2.095 thôn/bản/ấp. Có diện tích 5.868 Km², với 7 đơn vị hành chính (với 6 huyện, 1 thành phố), tổng số 129 xã/07 phường/05 thị trấn.

Tính đến năm 2015, dân số 800.532 người, tổng số 200.133 hộ gia đình; trong đó dân số nông thôn: 626.408 người, trong đó hộ gia đình nông thôn: 156.602 hộ. Theo số điều tra báo cáo của Chương trình MTQG NS&VSMT nông thôn các huyện hiện nay có 129 xã thuộc khu vực nông thôn

1. Hiện trạng vệ sinh và cấp nước:

1.1. Hiện trạng vệ sinh:

Những năm gần đây vấn đề vệ sinh hộ gia đình nông thôn đã được quan tâm hỗ trợ đầu tư xây dựng, tuy nhiên vấn đề sử dụng và bảo quản nhà tiêu tại

các hộ gia đình nông thôn còn rất kém, vì vậy đến nay tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh mới đạt 29,7%.

1.2. Hiện trạng cấp nước:

- Về cấp nước cho cộng đồng dân cư: Đến hết năm 2015 tỉnh Tuyên Quang có 469.800 người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, chiếm tỷ lệ 75%. Trong đó có khoảng 91.000 người sử dụng nước từ 367 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh, chiếm tỷ lệ 14,5%; còn lại khoảng 378.800 người dân sử dụng nước hợp vệ sinh từ các công trình cấp nước nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình, chiếm tỷ lệ 60,5%.

- Về cấp nước và vệ sinh trường học: Trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình cấp nước và vệ sinh trường học thuộc các trường tiểu học và mầm non trên địa bàn tỉnh. Các công trình xây dựng xong làm cơ sở để tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường cho các em học sinh, giúp thay đổi hành vi, nâng cao nhận thức về nước sạch và vệ sinh môi trường, góp phần nâng tỷ lệ số trường học có công trình cấp nước và vệ sinh đạt 85,4%.

- Về cấp nước và vệ sinh trạm y tế: Trong thời gian qua từ các chương trình, dự án, đã đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình cấp nước và vệ sinh trạm y tế tại các xã phục vụ công tác khám chữa bệnh và tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường cho người dân nông thôn, góp phần tăng tỷ lệ trạm y tế có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 84,0%.

2. Mục tiêu của tỉnh:

Tuyên Quang là một trong 21 tỉnh nằm trong Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra” được thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020. Trong năm 2016, tỉnh Tuyên Quang đã đề ra các mục tiêu về vệ sinh và nước sạch như sau:

- Mục tiêu về vệ sinh: Nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ, hành vi của người dân nông thôn nhằm cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với nước sạch và vệ sinh đạt tiêu chuẩn tại 3 xã: Hoàng Khai, Nhữ Hán, Thắng Quân huyện Yên Sơn.

Mục tiêu vệ sinh cụ thể năm 2016

TT	Tên xã can thiệp để đạt vệ sinh toàn xã	Số thôn trong xã	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đầu năm (%)	Mục tiêu nhà tiêu HVS cuối năm (%)
1	Hoàng Khai	15	1.359	5.436	51,1	83,2
2	Nhữ Hán	16	1.335	5.338	45,7	72,3
3	Thắng Quân	18	2.058	8.232	47,4	79,0
	Tổng	49	4.752	19.006		

- Mục tiêu về cấp nước: Cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, tăng cường tiếp cận bền vững nước sạch nông thôn. Năm 2016 số đầu nối cấp nước dự kiến đạt được 1.414 đầu nối chiếm tỷ lệ 0,9% dân số nông thôn trên địa bàn tỉnh. Kết hợp với các chương trình, dự án khác và tuyên truyền vận động nhân dân đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, phấn đấu đến năm 2016 tỷ lệ số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 78,5%.

3. Khó khăn và chiến lược giải quyết:

Tuyên Quang là tỉnh miền núi điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn, dân tộc thiểu số chiếm đa số, nhiều người dân còn mang tính chông chờ, ỷ lại vào sự trợ giúp của nhà nước. Chưa có cơ chế, chính sách phù hợp cho việc thu hút, kêu gọi đầu tư của các nguồn lực trong xã hội cho Chương trình nước sạch. Mục tiêu đề ra phấn đấu đến hết năm 2016 tỷ lệ số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh đạt 78,5%; Tỷ lệ số dân nông thôn đạt quy chuẩn 53,0%. Đây là mục tiêu tương đối cao, vì vậy cần phải có những cố gắng rất lớn từ cấp chính quyền cũng như của các ban ngành liên quan và của toàn cộng đồng.

3.1. Khó khăn:

- *Về vệ sinh:* Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh còn thấp, điều kiện kinh tế của người dân còn khó khăn. Nhận thức của người dân về công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh để quản lý phân còn hạn chế, tình trạng phóng uế bừa bãi còn diễn ra nhiều nơi, nhiều người chưa biết rửa tay sau khi đi vệ sinh, vẫn còn nhiều hộ gia đình sử dụng phân tươi trong trồng trọt.

- *Về cấp nước:* Địa hình miền núi, chia cắt, dân cư phân bố không tập trung; Công trình cấp nước đa dạng, quy mô phục vụ cấp nước ở phạm vi hẹp từ 1 đến 2 thôn, xuất đầu tư lớn; nguồn nước cấp có địa hình phức tạp, xa khu dân cư, nên khó khăn trong việc quản lý bảo vệ công trình; Thu nhập của người dân nông thôn còn thấp, tập quán còn lạc hậu, nên gặp nhiều khó khăn trong việc đóng góp xây dựng công trình và nộp tiền sử dụng nước; Năng lực trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước tập trung còn hạn chế, dẫn đến nhiều công trình xây dựng xong nhưng chưa phát huy được hiệu quả, tính bền vững không cao.

Ngoài ra, các quy định về tiêu chí thực hiện dự án của Chương trình đưa ra với tỉnh là tương đối cao và là một thách thức đối với tỉnh.

3.2. Chiến lược giải quyết:

- Về vệ sinh:

+ Đào tạo nâng cao năng lực cho các cán bộ tham gia thực hiện chương trình từ cấp tỉnh đến cấp thôn bản về truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh, về các mô hình thúc đẩy vệ sinh, thúc đẩy thị trường vệ sinh, kiểm tra, giám sát vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh trong trường học và trạm y tế;

+ Tăng cường công tác thông tin, giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh;

+ Hỗ trợ phát triển thị trường vệ sinh, xây dựng các công trình nhà tiêu hợp vệ sinh, địa điểm rửa tay bằng xà phòng, các mô hình kinh doanh vệ sinh; hướng dẫn sử dụng nhà tiêu và thực hiện các hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh công cộng một cách thường xuyên, liên tục theo đúng quy định, nhằm cải thiện thói quen rửa tay với xà phòng, chấm dứt phóng uế bừa bãi và tăng cường sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;

+ Đưa các chỉ tiêu tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu được cải thiện, số thôn bản đạt cộng đồng chấm dứt phóng uế bừa bãi vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

+ Thường xuyên thông tin biểu dương, khuyến khích đối với các địa phương thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân; đôn đốc, khích lệ đối với các địa phương còn hạn chế để tăng mạnh tỷ lệ dân số thường xuyên thực hiện tốt hành vi vệ sinh.

- Về cấp nước:

+ Tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Chương trình nhằm nâng cao năng lực về công tác triển khai thực hiện Chương trình cho các cán bộ thực hiện, nâng cao kỹ năng truyền thông, tuyên truyền về nước sạch nông thôn.

+ Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về nước sạch và vệ sinh môi trường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong các trường học, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, xây dựng và triển khai thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng đảm bảo hiệu quả, bền vững.

+ Lựa chọn, ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình cấp nước tập trung nông thôn đối với những vùng thực sự có nhu cầu về nước sinh hoạt và sẵn sàng thực hiện các điều kiện theo quy định của Chương trình.

+ Thực hiện đầu tư xây dựng các mô hình công trình cấp nước tập trung đồng bộ phù hợp với điều kiện của từng địa phương, đảm bảo lưu lượng, chất lượng nước theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình sau đầu tư.

+ Định hướng, lựa chọn đối tượng quản lý và tổ chức cùng tham gia thực hiện từ khâu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình; thực hiện bàn giao đưa vào sử dụng các công trình cấp nước tập trung theo đúng Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

+ Tổ chức kiểm tra, theo dõi chặt chẽ đối với công tác đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, khai thác công trình cấp nước tập trung để kịp thời phát hiện và tham mưu các biện pháp nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng và quản lý các công trình cấp nước tập trung.

II. KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CỦA TỈNH:

Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch dựa trên kết quả” tập trung nhiều vào tăng cường sự bền vững của hạ tầng cơ sở bằng cách tăng cường nỗ lực vận hành, bảo dưỡng và khôi phục chi phí cấp nước. Ngoài ra, Chương trình còn được thực hiện với những cách tiếp cận mới, tăng cường cộng tác giữa đầu tư vệ sinh và xúc tiến vệ sinh để đạt được diện vệ sinh toàn xã. Để đạt được hiệu quả, những lĩnh vực trọng tâm của Chương trình, tỉnh Tuyên Quang xây dựng kế hoạch cụ thể như sau:

1. Mục tiêu:

- Đảm bảo các bên liên quan tham gia triển khai, thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh được cung cấp thông tin về cơ chế, nguyên tắc thực hiện Chương trình, phương pháp lập kế hoạch cũng như cách thức giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo của Chương trình;

- Nâng cao khả năng quản lý chương trình vệ sinh và nước sạch dựa trên kết quả cho các cán bộ của các bên liên quan;

- Nâng cao khả năng quản lý, đảm bảo bền vững các công trình cấp nước nông thôn (bao gồm cả vận hành và bảo dưỡng) cho cán bộ các cấp, đặc biệt những người chịu trách nhiệm chính về quản lý công trình;

- Nâng cao khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động truyền thông về vệ sinh và cấp nước trong cộng đồng và trong trường học cho cán bộ truyền thông để tăng tỷ lệ đầu nối và chấp nhận đóng phí sử dụng nước tại cộng đồng;

- Tăng cường khả năng áp dụng và thực hiện phương pháp tiếp cận mới trong tiếp thị vệ sinh cho cán bộ y tế các cấp nhằm mục đích tăng cường tính hiệu quả của các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và đảm bảo tính bền vững của các dịch vụ vệ sinh;

- Quản lý, theo dõi, giám sát hiệu quả về tình hình vệ sinh và cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Các hoạt động tăng cường năng lực:

Năm 2016, tỉnh Tuyên Quang đề xuất thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực, gồm những nội dung sau:

2.1. Ngành Nông nghiệp:

2.1.1. Tăng cường, năng lực quản lý chương trình:

- Cử cán bộ đại diện từ các Sở liên quan đi tham dự các Hội nghị, tập huấn do Trung ương tổ chức để nắm bắt được phương pháp tiếp cận, quy định, chính sách của chương trình, làm nòng cốt tại tỉnh để triển khai các nội dung cần thiết trong việc lập kế hoạch, thực hiện, giám sát, đánh giá và kiểm đếm kết quả cho cán bộ thực hiện chương trình các cấp.

- Tổ chức hội thảo phổ biến về chương trình, về cơ chế PforR cho cán bộ từ UBND tỉnh, Sở NN&PTNT, Sở Y tế, Sở GD&ĐT và các bên liên quan khác

nhằm mục đích giúp họ hiểu rõ hơn về cơ chế dựa trên kết quả của Chương trình, từ đó xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện góp phần thúc đẩy thực hiện và giải ngân Chương trình. Ngoài ra thông qua các buổi hội thảo, các cơ quan, ban ngành liên quan hiểu rõ trách nhiệm trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình..

- Tổ chức họp Ban điều hành định kỳ để nắm bắt và triển khai, phân công trách nhiệm, tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các ngành.

2.1.2. Tăng cường tính bền vững các công trình cấp nước:

- Tổ chức hội nghị để phổ biến về cơ chế, nguyên tắc của Chương trình cho chính quyền địa phương và các hộ gia tại các vùng được đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung.

- Tập huấn về truyền thông nước sạch, cách lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động truyền thông về cấp nước.

- Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, khảo sát, thiết kế các công trình cấp nước tập trung, cụ thể: tiến hành điều tra, xác định đúng nhu cầu và tiến hành đăng ký và cam kết về tham gia đóng góp xây dựng công trình, sử dụng và thực hiện chi trả tiền sử dụng nước từ công trình theo đúng quy định; định hướng, lựa chọn đối tượng quản lý công trình để cùng tham gia triển khai các hoạt động đầu tư xây dựng công trình cấp nước.

- Đánh giá hiện trạng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh, đề xuất đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh theo đúng Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

2.2. Ngành Y tế:

2.2.1. Tăng cường năng lực thực hiện chương trình:

- Tăng cường năng lực lập kế hoạch và ngân sách:

+ Tổ chức hoạt động hội thảo, tập huấn nâng cao kiến thức xây dựng kế hoạch liên quan cho cán bộ cấp tỉnh, huyện được các bộ, ngành, Viện, Cục tổ chức với số lượng, thành phần theo chỉ tiêu của ban tổ chức quyết định. Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Y tế các huyện sẽ phối hợp nghiên cứu, đề xuất và cử cán bộ đi tập huấn theo đúng đối tượng.

+ Thông tin đầy đủ nội dung, hoạt động của Chương trình đến các nhà lãnh đạo chính quyền, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện, xã và thôn bản thông qua các hoạt động sau: Tổ chức các hội nghị triển khai kế hoạch cấp tỉnh, huyện xã với các thành phần trong Ban điều hành Chương trình, ban chăm sóc sức khỏe nhân dân cấp huyện, xã, các cơ quan thông tin đại chúng địa phương (1 hội nghị cấp tỉnh, 4 hội nghị cấp huyện, 03 hội nghị cấp xã); Tổ chức các hội nghị tổng kết, sơ kết đánh giá định kỳ để đánh giá kết quả hoạt động của chương trình. (01 hội nghị sơ kết cấp huyện, 06 hội nghị giao ban cấp xã).

+ Cung cấp thông tin thông qua các báo cáo công khai kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

- Tăng cường năng lực thực hiện, giám sát, theo dõi và báo cáo: Nâng cao năng lực thực hiện, giám sát hỗ trợ, theo dõi và báo cáo cho cán bộ cấp tỉnh.

2.2.2. Tăng cường năng lực nhằm thúc đẩy thay đổi hành vi và đảm bảo bền vững trong các dịch vụ vệ sinh:

- Tập huấn cho cán bộ xã và tuyên truyền viên thôn bản về kỹ năng truyền thông nhà tiêu.

- Tập Tập huấn cho cửa hàng tiện ích về các loại nhà tiêu HVS và truyền thông phát triển thị trường vệ sinh (như tiếp thị, lập kế hoạch...).

- Tập huấn cho cộng tác viên bán hàng về tiếp thị vệ sinh. Tăng cường năng lực cho tuyến dưới thông qua các cuộc giám sát định kỳ đột xuất của tuyến trên đối với tuyến dưới bằng hình thức cầm tay chỉ việc.

2.3. Ngành Giáo dục và Đào tạo:

- Cử đúng thành phần và tham gia đầy đủ các lớp Hội nghị, tập huấn ở trung ương và địa phương để nắm bắt được phương pháp tiếp cận, quy định, chính sách của chương trình, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện góp phần thúc đẩy thực hiện và giải ngân Chương trình.

- Thông tin đầy đủ nội dung, hoạt động của Chương trình đến chính quyền địa phương và lãnh đạo các cơ sở trường học tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

3. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện năm 2016 là 252.211.000 đồng, trong đó:

- Ngành Nông nghiệp và PTNT: 37.000.000 đồng.

- Ngành y tế: 215.211.000 đồng.

(Nội dung chi tiết các hoạt động theo bảng biểu đính kèm).

Trên đây là Kế hoạch Tăng cường năng lực thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ban ĐP Chương trình cấp nước NT (Báo cáo);
- UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Y tế (Phối hợp thực hiện);
- Trung tâm Y tế dự phòng;
- Trung tâm nước sạch & VSMTNT (Thực hiện);
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Công Hàm

Bảng 1 : Kế hoạch tăng cường năng lực năm 2016

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 2743 /KH-SNN ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang)

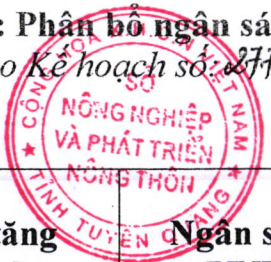
TT	Chủ đề hoặc hoạt động	Kết quả dự kiến và tác động đến việc đạt được kết quả chương trình	Nhóm mục tiêu (người hưởng lợi)	Phương thức thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách	Thời gian	Bằng chứng
Tham gia vào các hoạt động tăng cường năng lực được tổ chức tại trung ương								
1	Tập huấn về lập kế hoạch BCC	Hiểu về cách xây dựng kế hoạch BCC và biết cách sử dụng mẫu kế hoạch	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo	Tập huấn (1 ngày)	Cục QLMTYT		2/2016	Giấy mời, danh sách tham dự
2	Tập huấn TOT về thực hiện các hoạt động BCC	Hiểu về các hoạt động BCC bao gồm cả hoạt động tạo cầu, truyền thông thay đổi hành vi và hỗ trợ phát triển thị trường vệ sinh	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo	Tập huấn (4 ngày)	Cục QLMTYT		5/2016	Giấy mời, danh sách tham dự
3	Tập huấn về sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình (POM) và các báo cáo hàng năm của tỉnh	Hiểu về POM, quá trình kiểm đếm; yêu cầu quản lý tài chính, môi trường và xã hội (bao gồm các hướng dẫn về dân tộc thiểu số, giới và đối tượng nghèo); lập kế hoạch hàng năm	Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm NS&VSMTNT, Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, Sở Y tế, Sở giáo dục và Đào tạo	Tập huấn (1 ngày)	Ban điều phối Chương trình cấp nước nông thôn – Bộ Nông nghiệp và PTNT		10,11/2016	Giấy mời, danh sách tham dự

Các hoạt động tăng cường năng lực được thực hiện tại tỉnh								
4	Hội nghị triển khai Chương trình cấp tỉnh	Hiểu hơn về cơ chế và những yêu cầu của Chương trình, quy trình triển khai thực hiện; lập các kế hoạch để triển khai thực hiện Chương trình	Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm NS&VSMTNT, Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, Sở Y tế, Sở giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch, Sở Tài chính	Hội nghị triển khai. Hội nghị tổng kết (1 ngày)	Sở Nông nghiệp và PTNT	10.200.000	8/2016	Biên bản Hội nghị, danh sách tham gia
5	Hướng dẫn cán bộ Trung tâm Nước sạch và VSMTNT tỉnh về cách lựa chọn công trình cấp nước	Hiểu về cách thức lựa chọn các công trình cấp nước để đảm bảo tính khả thi và bền vững của từng công trình tại tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm NS&VSMTNT	Họp	Tư vấn WB		4-9/2016	Văn bản về chương trình công tác, Danh sách tham gia
6	Tập huấn về truyền thông nước sạch	Hiểu được cách lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động truyền thông về cấp nước	Trung tâm Nước sạch & VSMTNT, cán bộ truyền thông	Tập huấn	Sở Nông nghiệp và PTNT		9/2016	Báo cáo tập huấn, danh sách tham gia
7	Hướng dẫn cán bộ TTYTDP tỉnh và huyện về phát triển thị trường vệ sinh	Hiểu sâu về các nhân tố phát triển thị trường vệ sinh và cách lựa chọn các "cửa hàng tiện ích" tiềm năng	Cán bộ của TTYTDP tỉnh và huyện	Đào tạo tại hiện trường	Tư vấn WB		10-12/2016	Ghi chép quá trình làm việc và danh sách các "CHTI" được

								TTYTDP tỉnh chứng nhận
8	Hội nghị phổ biến về Chương trình, hướng dẫn cách thức lựa chọn công trình cấp nước; truyền thông về nước sạch	Hiểu về cách thức triển khai, cơ chế, nguyên tắc của Chương trình; cách thức lựa chọn công trình cấp nước đảm bảo tính khả thi và bền vững của từng công trình tại các địa phương, người dân hiểu và tham gia thực hiện Chương trình theo quy định	Lãnh đạo, cán bộ chính quyền địa phương, thôn bản và các hộ gia đình tham gia thực hiện Chương trình trong vùng đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung.	Tổ chức hội nghị tại các xã (9 ngày/9 xã)	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	26.800.000	Từ tháng 4 đến tháng 9/2016	Báo cáo kết quả thực hiện, danh sách tham gia; phiếu đăng ký, cam kết của đại diện các hộ gia đình
9	Phổ biến về Chương trình cho lãnh đạo chính quyền, đoàn ở các cấp tỉnh, huyện, xã	Các nhà quản lý có thông tin đầy đủ qua đó tạo môi trường thuận lợi cho việc triển khai chương trình.	Ban chăm sóc SKND huyện, xã của các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa và các xã dự kiến vệ sinh toàn xã năm 2016	- Hội nghị triển khai - Hội nghị tổng kết, giao ban. - Đài Phát thanh – truyền hình, báo. - Các báo cáo định kỳ, đột xuất	Trung tâm YTDP, tỉnh, huyện, Trạm Y tế xã Đài PT-TH tỉnh, huyện - Báo Tuyên Quang YTDP, Trung tâm Y tế	102.756.000	Từ tháng 3 – tháng 12	- Tài liệu hội nghị triển khai, tổng kết; - Báo cáo thực hiện Chương trình; - Các bài báo, chương trình truyền thanh, truyền hình - Ảnh chụp

					huyện, Trạm Y tế xã			hoạt động
10	Tập huấn tăng cường năng lực về kỹ năng truyền thông nhà tiêu cho cán bộ xã và cộng tác viên	Hiểu về các hoạt động BBC bao gồm cả hoạt động tạo cầu, truyền thông thay đổi hành vi và hỗ trợ phát triển thị trường vệ sinh	Tại các xã vệ sinh toàn xã năm 2016 - BCSSKND xã - Cán bộ Y tế xã. - CTV xã - TTV thôn bản (trưởng thôn, y tế, phụ nữ, bí thư)	Lớp tập huấn (03 ngày- 03 lớp với 198 học viên)	UBND Xã	75.210.000	Tháng 6	KH tập huấn, chương trình TH, báo cáo tập huấn, ảnh chụp lớp TH
11	Tập huấn cho cộng tác viên bán hàng về tiếp thị vệ sinh	Hiểu các kỹ năng phát triển thị trường vệ sinh, phát triển các mô hình kinh doanh, kỹ năng tiếp thị để phát triển thị trường vệ sinh	Mỗi thôn mời 4 người (bí thư chi bộ, trưởng thôn, y tế thôn bản, phụ nữ thôn hoặc mặt trận tổ quốc thôn) của 11 xã năm 2017 và 14 xã năm 2018, trạm y tế xã 01 người, Ban chăm sóc sức khỏe người dân xã 8 người, 02 ngày/lớp	Lớp tập huấn (02 ngày- 03 lớp với 219 học viên)	TTYT huyện	37.245.000	Tháng 7	KH tập huấn, chương trình TH, báo cáo tập huấn, ảnh chụp lớp TH

Bảng 2 : Phân bổ ngân sách và nguồn lực cho công tác tăng cường năng lực năm 2016
 (Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2773 /KH-SNN ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang)



TT	Hợp phần tăng cường năng lực	Ngân sách (VNĐ)	Phân bổ nguồn vốn (VNĐ)				
			TW	Tỉnh	Khác	Chương trình RB-SupRSWS	Tổng
1	Các hoạt động do ngành Nông nghiệp tổ chức	37.000.000				37.000.000	37.000.000
2	Các hoạt động do ngành y tế tổ chức	215.211.000				215.211.000	215.211.000
3	Các hoạt động do ngành giáo dục tổ chức						
	Tổng	252.211.000				252.211.000	252.211.000